

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV SungDo Vina tại văn bản số 01/GPMT ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc cấp giấy phép môi trường của cơ sở tại lô 05F, đường số 05, KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV SungDo Vina (sau đây gọi là Chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất các loại keo dùng trong công nghiệp, công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất mực in, công suất 100 tấn sản phẩm/năm” tại lô 05F, đường số 05, KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Chủ cơ sở:

1.1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV SungDo Vina.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 05F, đường số 05, KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3602987727, đăng ký lần đầu ngày 05/12/2012, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 18/8/2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư, mã số dự án: 8703371661, chứng nhận lần đầu ngày 05/12/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 14/4/2020 do Ban quản lý các Khu công nghiệp (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế) tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3602987727.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại keo dùng trong công nghiệp, công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất mực in, công suất 100 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất mỹ phẩm các loại với quy mô 70 tấn sản phẩm/năm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: diện tích 10.100 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như Dự án nhóm C (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Tiêu chí về môi trường: Cơ sở có tiêu chí về môi trường như Dự án nhóm III (theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

- Công suất: Sản xuất các loại keo dùng trong công nghiệp, công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất mực in, công suất 100 tấn sản phẩm/năm.

(Ghi chú: Đối với mục tiêu sản xuất mỹ phẩm các loại với quy mô 70 tấn sản phẩm/năm, hiện chưa sản xuất, không thuộc phạm vi đề nghị cấp giấy phép môi trường).

- Quy trình sản xuất:

(1) Quy trình sản xuất keo Polyurethane (dung môi): Nguyên liệu → Bón trộn phản ứng, nhiệt độ 80°C (được cấp từ lò hơi đốt dầu DO) → Làm nguội → Đóng gói sản phẩm.

(2) Quy trình sản xuất keo Polyurethane (không dung môi): Nguyên liệu Bồn trộn phản ứng, nhiệt độ 80°C (được cấp từ lò hơi đốt dầu DO) → Làm nguội → Đóng gói sản phẩm.

(3) Quy trình sản xuất keo Polyester: Nguyên liệu → Bồn trộn phản ứng, nhiệt độ $130^{\circ}\text{C} - 170^{\circ}\text{C}$ (được cấp từ lò hơi đốt dầu DO) → Kiểm tra chất lượng sản phẩm → Đóng gói sản phẩm

(4) Quy trình sản xuất mực in: Nguyên liệu → Bồn trộn phản ứng, nhiệt độ 80°C (được cấp từ lò hơi đốt dầu DO) → Làm nguội → Đóng gói sản phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở:

1. Chủ cơ sở có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 26 tháng 11 năm 2035).

Điều 4. Giao Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Trảng Bom;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền;
- Chủ cơ sở (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN, KKT;
- Lưu: VT, MT (P).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Phạm Việt Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 64 /GPMT-KCNKKT

ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền, không thải ra môi trường).

- Nước thải sinh hoạt (sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn), nước thải từ hoạt động xả đáy lò hơi được lắng và thu gom về hố ga của công ty trước khi đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền (tại 01 điểm trên đường số 05).

- Chủ cơ sở và Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền (Đơn vị vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Giang Điền) đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số 20/2024/HĐNT/GĐ ngày 01/07/2024.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN: Phải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Giang Điền theo thỏa thuận giữa Chủ đầu tư cơ sở và Đơn vị đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền theo Hợp đồng xử lý nước thải số 20/2024/HĐNT/GĐ ngày 01/07/2024 và Giấy phép môi trường số 404/GPMT-BTNMT ngày 07 tháng 10 năm 2024 do Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cấp cho Khu công nghiệp Giang Điền.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (ứng với nguồn số 01), bao gồm nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân của công nhân viên, lao động (văn phòng, nhà xưởng) và nước thải từ xả đáy lò hơi (ứng với nguồn số 02) với lưu lượng 4,5 m³/ngày.

- Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 30 m³ sẽ theo đường ống PVC Ø220 mm, i = 0,5% trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Giang Điền (tại 01 hố ga đầu nối trên đường số 5).

1.1.2. Vị trí đầu nối nước thải:

- Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ của nhà máy sẽ theo ống Ø220 mm, $i = 0,5\%$ về hố ga đầu nổi trên đường 05, sau đó theo hệ thống thu gom nước thải đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền.

- Vị trí: 01 hố ga đầu nổi nước thải trên đường số 05.

- Tọa độ vị trí (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°): $X = 416133$; $Y = 1205671$.

1.1.3. Lưu lượng đầu nổi nước thải lớn nhất: $4,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Phương thức đầu nổi thải: Tự chảy (24/24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: Phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Giang Điền theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và Đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải (Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền) theo Hợp đồng xử lý nước thải số 20/2024/HĐNT/GĐ ngày 01/07/2024.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công ty đã xây dựng 03 bể tự hoại với tổng thể tích là 30 m^3 .

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Giang Điền và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận với đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải (Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền), không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Giang Điền để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 64/GPMT-KCNKKT
ngày 26 tháng 1 năm 2025 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi hơi hoá chất từ quá trình sản xuất keo Polyester.
- Nguồn số 02: Khí thải lò hơi đốt dầu DO dùng sản xuất keo Polyester, không qua hệ thống xử lý khí thải.
- Nguồn số 03: Khí thải lò hơi đốt dầu DO dùng sản xuất keo Polyurethane, không qua hệ thống xử lý khí thải.
- Nguồn số 04: Khí thải máy phát điện dự phòng 250 kVA đốt dầu DO, không qua hệ thống xử lý khí thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, vĩ độ 3°):

- Dòng khí thải 01: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi hơi hoá chất từ quá trình sản xuất keo Polyester công suất 15 kw/h, lưu lượng 20.000 m³/giờ, đường kính thải D450 mm, cao 8m (tương ứng với nguồn số 01). Tọa độ vị trí xả khí thải X = 416433; Y = 1205242.

Vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải tại: Đường số 05, KCN Giảng Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Tổng lưu lượng khí thải được xử lý lớn nhất của cơ sở dự kiến là 20.000 m³/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả thải lớn nhất 20.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT. Cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2024/BTN MT, cột C)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I Dòng khí thải số 01					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	<i>Không thuộc đối tượng</i>	<i>Không thuộc đối tượng</i>
2	Bụi	mg/Nm ³	100		
3	Phenol	mg/Nm ³	15		
4	Toluen	mg/Nm ³	15		
5	Xylen	mg/Nm ³	150		
6	1,3-butadien	mg/Nm ³	25		
7	Methanol	mg/Nm ³	200		
8	Metylclorua	mg/Nm ³	150		
9	Dietylamin	mg/Nm ³	50		

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1 Mạng lưới thu gom khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi hơi hoá chất từ quá trình sản xuất keo Polyester công suất 15 kw/giờ, lưu lượng 20.000 m³/giờ, đường kính thải D450 mm, cao 8m tính từ mặt đất.

- Nguồn số 02: Khí thải lò hơi đốt dầu DO dùng sản xuất keo Polyester, không qua hệ thống xử lý khí thải, phát thải trực tiếp qua ống thải D400 mm, cao 12m tính từ mặt đất.

- Nguồn số 03: Khí thải lò hơi đốt dầu DO dùng sản xuất keo Polyurethane, không qua hệ thống xử lý khí thải, phát thải trực tiếp qua ống thải D300, cao 10m tính từ mặt đất.

- Nguồn số 04: Khí thải máy phát điện dự phòng 250 kVA đốt dầu DO, không qua hệ thống xử lý khí thải, phát thải trực tiếp qua ống thải D200 mm, cao 8m tính từ mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Công ty lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi hơi hoá chất. Dòng khí thải 01: hệ thống xử lý bụi hơi hoá chất từ quá trình sản xuất keo Polyester công suất 15 kw/giờ, lưu lượng 20.000 m³/giờ (tương ứng nguồn số 01).

- Tóm tắt quy trình xử lý: Bụi, hơi hoá chất → Đường ống → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Lốp than hoạt tính → Ống thải → Khí thải đạt quy chuẩn môi

trường được phép xả thải ra môi trường.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm do Công ty đã có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 186/XN-KCNĐN do Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp vào ngày 19 tháng 12 năm 2019 của cơ sở “Nâng công suất Nhà máy sản xuất các loại keo dùng trong công nghiệp từ 1.000 tấn sản phẩm/năm lên 4.000 tấn sản phẩm/năm” cho hệ thống xử lý bụi hơi hoá chất từ quá trình sản xuất keo Polyester công suất 15 kw/giờ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 64 /GPMT-KCNKKT

ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Trường ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,
 Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Từ xưởng sản xuất (bồn phản ứng).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến
 trực $107^{\circ}45'$, vĩ chiều 3°)

Nguồn số 01: Từ xưởng sản xuất (bồn phản ứng). Tọa độ: X = 416540; Y = 1205610.

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT.

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)			
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

* Lưu ý: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, Chủ cơ sở phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BTNMT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 64/GPMT-KCNKKT
 ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,
 Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	15
2	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	10
3	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 03	NH	728
4	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	07 02 01	NH	120
Tổng khối lượng chất thải phát sinh dự kiến (kg/năm)					873

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu	Trạng thái	Số lượng (kg/năm)
1.	Thùng nhựa phế	18 01 06	TT-R	Rắn	1.460
2.	Thùng kim loại phế	18 01 08	TT-R	Rắn	6.841
3.	Bao bì phế	18 01 10	TT-R	Rắn	2.975
4.	Thùng thiếc	18 01 11	TT-R	Rắn	1.186
5.	Bùn thải từ bể tự hoại	12 06 13	TT-R	Bùn	100
6.	Hộp mực in thải	08 02 08	TT-R	Rắn	05
Tổng khối lượng chất thải phát sinh dự kiến (kg/năm)					12.567

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	14,8
2	Chất thải tái chế, tái sử dụng	6,0
3	Chất thải sinh hoạt khác	0,5
Tổng khối lượng chất thải phát sinh dự kiến (tấn/năm)		21,3

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	KS	1.748
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	KS	200
3	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	884
4	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	200
5	Hóa chất và chất hỗn hợp hóa chất thải	Rắn	19 05 02	KS	13.080
6	Bao bì cứng thải khác	Rắn	18 01 04	KS	752
7	Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất	Lỏng	16 01 10	KS	268.116
Tổng khối lượng chất thải phát sinh dự kiến (kg/năm)					284.980

Ghi chú: Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: diện tích 10m^2 , (thuộc hạng mục nhà kho thành phẩm), chia thành các khu vực lưu giữ riêng biệt cho từng loại chất thải và 01 bồn thu gom chất thải lỏng nguy hại thể tích 10m^3 .

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông. Khu vực chứa chất thải có trang bị bình chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát khô, xèng), chất thải lỏng được chứa trong các thiết bị kín đặt trong thùng nhựa để tránh rò rỉ, tràn đổ. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao chứa chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: diện tích 20m^2 .

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Mái che bằng tôn, tường rào xung quanh, nền bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích khu vực lưu chứa: diện tích 05m^2 .

- Thiết bị lưu chứa: Đặt trong 03 thùng chứa (02 thùng 240 lit và 01 thùng 660 lit) và có nhãn dán phân loại; bao bì.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-

BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

4. Các nội dung khác

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; có trách nhiệm công khai và thông báo cho Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền, Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền, Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom (nơi xảy ra sự cố) và Ban chỉ huy phòng thủ dân sự để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 64 /GPMT-KCNKKT

ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Trường ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; xây dựng; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với người lao động làm việc cho cơ sở; đồng thời thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

4. Thực hiện chương trình quản lý, quan trắc, giám sát môi trường theo nội dung được cấp giấy phép và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất.

5. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi của cơ sở (nếu có).

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật được nêu tại Giấy phép môi trường này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực

hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra./.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**